

Ngày thi: 30/11/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	DIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										DIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15	30								55	100			
1	1826617353	Nguyễn Thị Kim Thu	D18XDD1B	10		8.5								7.5	8.2	Tám phần Hai	
2	1827617327	Phạm Bá Thắng	D18XDD1B	10		8								7	7.8	Bảy phần Tám	
3	1827617333	Huỳnh Đức Hoàng Hải	D18XDD1B	10		8								4.5	6.4	Sáu phần Bốn	
4	1827617336	Nguyễn Quốc Ti	D18XDD1B	10		9								7	8.1	Tám phần Một	
5	1827617337	Nguyễn Quốc Nhi	D18XDD1B	10		8.5								4.5	6.5	Sáu phần Năm	
6	1827617338	Lê Anh Tùng	D18XDD1B	9.5		7.5								6	7.0	Bảy	
7	1827617340	Đỗ Đức Thịnh	D18XDD1B	10		8								2	0.0	Không	
8	1827617350	Đặng Thành Phong	D18XDD1B	10		7.5								3	0.0	Không	
9	1827617358	Vũ Hữu Ứng	D18XDD1B	9.5		7.5								1.5	0.0	Không	
10	1827617359	Đặng Thành Đạt	D18XDD1B	9.5		7.5								5	6.4	Sáu phần Bốn	
11	1827617367	Nguyễn Hoàng Hà	D18XDD1B	10		9								6	7.5	Bảy phần Năm	
12	1827617369	Trần Văn Dự	D18XDD1B	10		7								6	6.9	Sáu phần Chín	
13	1827617370	Phan Đăng Lâm	D18XDD1B	10		9								6.5	7.8	Bảy phần Tám	
14	1827617371	Nguyễn Công Tú	D18XDD1B	10		9								2	0.0	Không	
15	1827617372	Trịnh Khánh Dương	D18XDD1B	9.5		9								6.5	7.7	Bảy phần Bảy	
16	1827617374	Văn Bá Hùng	D18XDD1B	9.5		7								2	0.0	Không	
17	1827617376	Hoàng Minh Phương	D18XDD1B	8.5		8								5.5	6.7	Sáu phần Bảy	
18	1827617380	Huỳnh Văn Cử	D18XDD1B	10		8								8.5	8.6	Tám phần Sáu	
19	1827617383	Nguyễn Như Nguyên	D18XDD1B	10		9								5	7.0	Bảy	
20	1827617385	Hoàng Việt Hải	D18XDD1B	10		8.5								5.5	7.1	Bảy phần Một	
21	1827617387	Nguyễn Đức Duy	D18XDD1B	9.5		7								5	6.3	Sáu phần Ba	
22	1827617395	Nguyễn Xuân Hạnh	D18XDD1B	6		5								V	0.0	Không	
23	1827617397	Thái Trương Duy Minh	D18XDD1B	10		7.5								7	7.6	Bảy phần Sáu	
24	1827617399	Nguyễn Đắc Kháng Huy	D18XDD1B	9.5		8								5.5	6.9	Sáu phần Chín	
25	1827617400	Nguyễn Văn Trung	D18XDD1B	10		8								3	0.0	Không	
26	1827617401	Kiều Quốc Hưng	D18XDD1B	9		7								4.5	5.9	Năm phần Chín	
27	1827617402	Nguyễn Nhật Tân	D18XDD1B	10		7.5								5.5	6.8	Sáu phần Tám	
28	1827617409	Đình Ngọc Bảo	D18XDD1B	0		0								V	0.0	Không	NỢ HP
29	1827617410	Nguyễn Ngọc Sơn	D18XDD1B	5		4								3	0.0	Không	
30	1827617414	Lương Anh Tâm	D18XDD1B	10		8								5	6.7	Sáu phần Bảy	
31	1827617419	Nguyễn Văn Quốc	D18XDD1B	9.5		8								8.5	8.5	Tám phần Năm	
32	1827617436	Phạm Văn Phong	D18XDD1B	10		9								8.5	8.9	Tám phần Chín	
33	1827617437	Lê Minh Thanh	D18XDD1B	10		9								4	6.4	Sáu phần Bốn	
34	1827617441	Hoàng Đức Lương	D18XDD1B	10		7								9	8.6	Tám phần Sáu	
35	1827617443	Nguyễn Văn Phương	D18XDD1B	8.5		7								4	5.6	Năm phần Sáu	
36	1827617445	Nguyễn Văn Tú	D18XDD1B	8		6								4.5	5.5	Năm phần Năm	
37	1827617447	Phạm Văn Đông	D18XDD1B	9.5		7								4	5.7	Năm phần Bảy	
38	1827617453	Trần Anh Tuấn	D18XDD1B	9.5		8.5								3	0.0	Không	
39	1827617455	Phan Văn Đáng	D18XDD1B	10		8.5								2.5	0.0	Không	
40	1826617412	Nguyễn Thị Nhã	D18XDD2B	10		9								8	8.6	Tám phần Sáu	
41	1827617325	Trần Viết Toàn	D18XDD2B	7.5		6								2	0.0	Không	

Ngày thi: 30/11/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	DIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										DIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15	30							55	100			
42	1827617326	Hà Minh Hải	D18XDD2B	10		8.5							6	7.4	Bảy phần Bốn	
43	1827617328	Nguyễn Anh Quân	D18XDD2B	10		8							3	0.0	Không	
44	1827617332	Trần Ngọc Hoàng	D18XDD2B	10		7.5							7	7.6	Bảy phần Sáu	
45	1827617335	Nguyễn Phạm Ngọc Pha	D18XDD2B	9.5		9							7	8.0	Tám	
46	1827617341	Võ Việt Cường	D18XDD2B	7.5		7							4	5.4	Năm phần Bốn	
47	1827617343	Nguyễn Ngọc Hiếu	D18XDD2B	7.5		6							6	6.2	Sáu phần Hai	
48	1827617344	Trần Minh Toàn	D18XDD2B	9.5		7.5							7.5	7.8	Bảy phần Tám	
49	1827617355	Huỳnh Chung	D18XDD2B	10		8.5							3	0.0	Không	
50	1827617362	Nguyễn Đăng Bảo Lộc	D18XDD2B	10		9							3	0.0	Không	
51	1827617365	Nguyễn Tiến Danh	D18XDD2B	9.5		7.5							4	5.9	Năm phần Chín	
52	1827617377	Võ Văn Vũ	D18XDD2B	10		8.5							4	6.3	Sáu phần Ba	
53	1827617381	Lê Quang Kha	D18XDD2B	7.5		6							1.5	0.0	Không	
54	1827617388	Đặng Kim Tới	D18XDD2B	6		5							V	0.0	Không	
55	1827617389	Bùi Văn Quốc	D18XDD2B	7.5		6.5							1	0.0	Không	
56	1827617392	Đoàn Kim Dung	D18XDD2B	10		7.5							4	6.0	Sáu	
57	1827617393	Lê Phước Hải	D18XDD2B	10		7.5							7.5	7.9	Bảy phần Chín	
58	1827617396	Nguyễn Xuân Thức	D18XDD2B	7.5		6.5							3	0.0	Không	
59	1827617403	Nguyễn Hải Hưng	D18XDD2B	10		7.5							4.5	6.2	Sáu phần Hai	
60	1827617415	Châu Hiếu Trung	D18XDD2B	9.5		7.5							4	5.9	Năm phần Chín	
61	1827617417	Lê Minh Tuấn	D18XDD2B	9		9							6	7.4	Bảy phần Bốn	
62	1827617418	Hoàng Nguyễn Xuân Nam	D18XDD2B	9.5		8							8.5	8.5	Tám phần Năm	
63	1827617421	Trần Văn Mạnh	D18XDD2B	10		7.5							2	0.0	Không	
64	1827617423	Trương Sơn	D18XDD2B	10		7							5	6.4	Sáu phần Bốn	
65	1827617424	Đoàn Ngọc Phước	D18XDD2B	10		7.5							3	0.0	Không	
66	1827617425	Nguyễn Hữu Việt	D18XDD2B	9		7							7.5	7.6	Bảy phần Sáu	
67	1827617426	Phạm Xuân Thắng	D18XDD2B	10		8							8	8.3	Tám phần Ba	
68	1827617430	Phan Chí Lâm	D18XDD2B	10		7.5							2.5	0.0	Không	
69	1827617433	Đoàn Lê Việt Đức	D18XDD2B	9		7.5							3	0.0	Không	
70	1827617439	Ngô Thanh Đại	D18XDD2B	9.5		7.5							6.5	7.3	Bảy phần Ba	
71	1827617448	Trần Minh Toàn	D18XDD2B	6		5							V	0.0	Không	
72	1827617450	Nguyễn Hữu Thọ	D18XDD2B	10		8							6	7.2	Bảy phần Hai	
73	1827617451	Lê Thiện Cường	D18XDD2B	10		7.5							7.5	7.9	Bảy phần Chín	
74	1827617452	Trần Quốc Lan	D18XDD2B	9		7.5							7	7.5	Bảy phần Năm	
75	1827617456	Huỳnh Văn Lanh	D18XDD2B	10		7.5							3	0.0	Không	
76	1827617324	Nguyễn Duy Anh Minh	D18XDD3B	10		7.5							5	6.5	Sáu phần Năm	
77	1827617331	Nguyễn Trần Thành Đoàn	D18XDD3B	9.5		9							9.5	9.4	Chín phần Bốn	
78	1827617334	Mai Hồng Thịnh	D18XDD3B	10		8							6.5	7.5	Bảy phần Năm	
79	1827617339	Võ Nhật Huy	D18XDD3B	10		8							7	7.8	Bảy phần Tám	
80	1827617342	Nguyễn Kiên Tùng	D18XDD3B	9.5		7.5							2	0.0	Không	
81	1827617345	Lê Hồng Thanh	D18XDD3B	6		4							V	0.0	Không	
82	1827617348	Nguyễn Văn Lộc	D18XDD3B	10		8.5							6	7.4	Bảy phần Bốn	

Ngày thi: 30/11/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	DIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										DIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
83	1827617351	Bùi Viết	Tân	D18XDD3B	7.5	7								2	0.0	Không	
84	1827617352	Phạm Thanh	Tâm	D18XDD3B	0	0								V	0.0	Không	NỢ HP
85	1827617354	Phan Thái	Thụy	D18XDD3B	10	8.5								3	0.0	Không	
86	1827617356	Đỗ Nguyễn	Lợi	D18XDD3B	10	7.5								6.5	7.3	Bảy phần Ba	
87	1827617357	Vô Như	Ý	D18XDD3B	10	8.5								6.5	7.6	Bảy phần Sáu	
88	1827617360	Nguyễn Văn Kiên	Cường	D18XDD3B	10	6.5								4.5	5.9	Năm phần Chín	
89	1827617361	Nguyễn Văn	Cường	D18XDD3B	10	8								4.5	6.4	Sáu phần Bốn	
90	1827617363	Phan Nhật	Vũ	D18XDD3B	10	9								4.5	6.7	Sáu phần Bảy	
91	1827617364	Nguyễn Công Thanh	Tùng	D18XDD3B	9.5	7.5								4	5.9	Năm phần Chín	
92	1827617373	Trần Ngọc Đức	Tâm	D18XDD3B	10	7.5								5.5	6.8	Sáu phần Tám	
93	1827617378	Đình Văn	Tâm	D18XDD3B	10	8								8.5	8.6	Tám phần Sáu	
94	1827617382	Nguyễn Tấn	Duy	D18XDD3B	9.5	8								4	6.0	Sáu	
95	1827617390	Đình Như	Hiếu	D18XDD3B	9.5	7								4.5	6.0	Sáu	
96	1827617391	Hà Xuân	Ninh	D18XDD3B	7.5	6								2.5	0.0	Không	
97	1827617394	Ngô Hữu	Khánh	D18XDD3B	9.5	7								6.5	7.1	Bảy phần Một	
98	1827617404	Trần Anh	Đào	D18XDD3B	6	5								4	4.6	Bốn phần Sáu	
99	1827617405	Doãn Phước	Thành	D18XDD3B	10	7.5								4.5	6.2	Sáu phần Hai	
100	1827617406	Lê Quang	Thạnh	D18XDD3B	9.5	7.5								5	6.4	Sáu phần Bốn	
101	1827617413	Hoàng Minh	Dương	D18XDD3B	7.5	6								4	5.1	Năm phần Một	
102	1827617416	Cao Tấn	Tài	D18XDD3B	9.5	8.5								4.5	6.5	Sáu phần Năm	
103	1827617427	Trần Thanh	Vinh	D18XDD3B	5	4								V	0.0	Không	NỢ HP
104	1827617432	Dương Văn	Sáu	D18XDD3B	10	6.5								2.5	0.0	Không	
105	1827617434	Bùi Đức	Hải	D18XDD3B	10	8.5								7	7.9	Bảy phần Chín	
106	1827617438	Nguyễn Quỳnh	Trin	D18XDD3B	9.5	6.5								7	7.2	Bảy phần Hai	
107	1827617440	Nguyễn Đức	Thời	D18XDD3B	9	7								3	0.0	Không	
108	1827617442	Trần Văn	Ngộ	D18XDD3B	10	7								4	5.8	Năm phần Tám	
109	1827617444	Trần Đình	Công	D18XDD3B	10	8.5								2.5	0.0	Không	
110	1827617446	Trần Minh	Xuân	D18XDD3B	10	7.5								6	7.1	Bảy phần Một	
111	1827617449	Lê Trọng	Dương	D18XDD3B	7.5	6								V	0.0	Không	
112	179213597	Nguyễn Văn	Kiều	D18XDD3B	9.5	7								7.5	7.7	Bảy phần Bảy	
113	169211495	Dương Quốc	Hoàng	D18XDD3B	0	0								V	0.0	Không	
1	178213029	Nguyễn Văn	Thường	T17XDD	4	4								V	0.0	Không	15006DT
2	1921619895	Nguyễn Văn	Giang	D19XDD	10	7.5								6.5	7.3	Bảy phần Ba	
3	1921612431	Nguyễn Văn	Khánh	D19XDD	10	7.5								4	6.0	Sáu	
4	132214433	Lê Duy	Dũng	K13XDD3	4	4								V	0.0	Không	18896DT
5	152212721	Nguyễn Đình	Hoàn	K15XDD3	10	9								6.5	7.8	Bảy phần Tám	21293DT
6	168212043	Trần Tài	Thành	T16XDD2	4	4								V	0.0	Không	23115DT
7	169212445	Phan Phước	Khanh	D16XDDB	5	4								V	0.0	Không	23495DT
8	169212467	Nguyễn Bá Hoàng	Sinh	D16XDDB	5	4								V	0.0	Không	23493DT
9	169212456	Phan Thanh	Phương	D16XDDB	0	0								V	0.0	Không	23494DT
10	172217178	Trương Quang	Hợp	K17XDD3	8	7.5								6.5	7.0	Bảy	

Ngày thi: 30/11/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
11	179212942	Phan Quốc Việt	D17XDD	6.5		4.5							4	4.5	Bốn phần Năm	24052DT
12	132214463	Hà Xuân Hùng	K14XDD1	8		7							5.5	6.3	Sáu phần Ba	31538DT
13	172219054	Hoàng Nam Long	K17XDD	8		6.5							4.5	5.6	Năm phần Sáu	

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 12 năm 2014

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tân

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân